THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2229 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 5 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics;

Căn cứ Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi là Chiến lược) với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển dịch vụ logistics thành một ngành kinh tế quan trọng nhằm phát huy tối đa năng lực của các địa phương; thúc đẩy liên kết các vùng kinh tế, khu vực và quốc tế; coi dịch vụ logistics là yếu tố động lực, dịch vụ thiết yếu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, hàm lượng tri thức cao, hiệu quả, bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường, có nhiều lợi thế cạnh tranh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; đồng thời nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và chất lượng hoạt động dịch vụ logistics nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại và hạ tầng công nghệ phục vụ hoạt động logistics một cách đồng bộ, hiện đại đảm bảo kết nối các vùng trong nước và quốc tế; đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

4. Phát triển dịch vụ logistics gắn liền với phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của đất nước, đặc biệt là tiềm năng kinh tế biển.

5. Phát triển dịch vụ logistics, kết nối sâu, rộng vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu dựa trên việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

6. Phát triển dịch vụ logistics bền vững trên cơ sở xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển dịch vụ logistics Việt Nam bền vững, hiệu quả, chất lượng và có giá trị gia tăng cao, năng lực cạnh tranh tốt, phát huy lợi thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2025 - 2035

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước đạt 5% - 7%.

- Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành dịch vụ logistics hằng năm đạt 12% - 15%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 70% - 80%.

- Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước giảm xuống tương đương 12% - 15%.

- Xếp hạng theo Chỉ số hiệu quả logistics (LPI - do Ngân hàng Thế giới công bố) trong nhóm 40 quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu.

- Số lượng doanh nghiệp dịch vụ logistics sử dụng các giải pháp chuyển đổi số đạt 80% số doanh nghiệp logistics Việt Nam.

- Dịch vụ logistics phát triển hiệu quả theo hướng giảm phát thải, chuyển đổi sang các nguồn năng lượng xanh.

- 70% người lao động trong ngành dịch vụ logistics được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó 30% có trình độ đại học trở lên.

- Xây dựng được ít nhất 05 trung tâm dịch vụ logistics hiện đại ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với chuỗi cung ứng trong khu vực và quốc tế.

Giai đoạn đến năm 2050

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước đạt 7% - 9%.

- Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành dịch vụ logistics hằng năm đạt 10% - 12%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 80% - 90%.

- Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước giảm xuống tương đương 10% - 12%.

- Xếp hạng theo Chỉ số hiệu quả logistics (LPI - do Ngân hàng Thế giới công bố) trong nhóm 30 quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu.

- Số lượng doanh nghiệp dịch vụ logistics sử dụng các giải pháp chuyển đổi số đạt 100% số doanh nghiệp logistics Việt Nam.

- Dịch vụ logistics tiếp tục phát triển hiệu quả theo hướng giảm phát thải, góp phần đưa phát thải ròng của quốc gia về 0.

- 90% người lao động trong ngành dịch vụ logistics được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó 50% có trình độ đại học trở lên.

- Xây dựng được ít nhất 10 trung tâm dịch vụ logistics hiện đại ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với chuỗi cung ứng trong khu vực và quốc tế.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU

1. Tạo đột phá trong xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ logistics, thúc đẩy hội nhập quốc tế, tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật đối với dịch vụ logistics theo cơ chế thị trường, thích hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước và phù hợp với thông lệ, luật pháp quốc tế.

2. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, hình thành và phát triển kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại, chú trọng hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng thương mại và hạ tầng số, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Thúc đẩy liên kết các ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ, khu vực và quốc tế phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, nội vùng, liên vùng và cả nước theo từng giai đoạn phát triển làm cơ sở để phát triển dịch vụ logistics.

4. Xây dựng nguồn hàng, phát triển thị trường logistics, bảo đảm tăng trưởng bền vững ngành dịch vụ logistics.

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp dịch vụ logistics, đồng thời nâng cao chất lượng và xanh hóa các hoạt động dịch vụ logistics dựa trên nền tảng số.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nâng cao hiệu quả hoạt động logistics gắn với sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông phân phối trong nước và quốc tế.

7. Phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ logistics.

8. Nâng cao vai trò của các hiệp hội và các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ logistics, thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng hiện đại, phát triển đa dạng các dịch vụ logistics giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, đưa Việt Nam trở thành trung tâm trung chuyển và phân phối hàng hóa của thế giới.

IV. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Hoàn thiện thể chế pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật đối với dịch vụ logistics

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, phản ánh đúng thực tế hoạt động của doanh nghiệp đảm bảo thúc đẩy phát triển các dịch vụ logistics trong kế hoạch tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, hải quan,... gắn với việc thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển nền sản xuất và hệ thống lưu thông phân phối trong nước và quốc tế xanh, sạch, bền vững.

- Cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, hình thành các doanh nghiệp tiên phong, khuyến khích và thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong kinh doanh dịch vụ logistics.

- Nâng cao năng lực, vai trò quản lý nhà nước và sự tham gia của các hiệp hội trong lĩnh vực logistics; tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật đối với hoạt động logistics theo cơ chế thị trường, thích hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước và phù hợp với thông lệ, luật pháp quốc tế.

- Rà soát các cam kết quốc tế về dịch vụ logistics nhằm đàm phán sửa đổi, bổ sung tạo thuận lợi cho thương mại, xuất nhập khẩu, vận tải, lưu thông phân phối, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thuế, phụ phí liên quan đến lĩnh vực logistics theo hướng đảm bảo cạnh tranh công bằng, minh bạch, hỗ trợ cho sản xuất, lưu thông phân phối hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi về vốn, đầu tư công, khuyến khích xã hội hóa đầu tư và tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp dịch vụ logistics tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng logistics theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nhân lực, thị trường lao động logistics đồng bộ cả về quy mô, chất lượng và cơ cấu theo lĩnh vực, ngành nghề đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về chứng từ điện tử trong lĩnh vực logistics, vận tải, thương mại xuyên biên giới.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế trong các hoạt động logistics.

- Xây dựng bộ tiêu chí và thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh logistics cấp quốc gia và địa phương, xếp hạng các doanh nghiệp dịch vụ logistics.

2. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, hình thành và phát triển kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch trung tâm logistics gắn kết với các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực như: quy hoạch hệ thống giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không), quy hoạch cửa khẩu biên giới, quy hoạch cảng cạn, điểm thông quan nội địa và đảm bảo khu vực được quy hoạch có hoạt động xuất nhập khẩu phải có phương án bố trí vị trí, khu vực làm việc của cơ quan hải quan và các địa điểm đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định. Đồng thời, đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển các trung tâm logistics ngang tầm quốc tế hiện đại, quy mô lớn tại các vị trí kinh tế trọng điểm, các hành lang kinh tế, cửa khẩu biên giới, có kết nối với hệ thống đường sắt, đường thủy nội địa, cảng hàng không và cảng biển quốc tế.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống vận tải, trung tâm logistics hỗ trợ phát triển các chuỗi cung ứng nông sản qua đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, phát triển một số loại hình vận tải

mới, thuận lợi, tiết kiệm chi phí vận chuyển nội địa, chi phí logistics. Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản tại các vùng nguyên liệu chủ lực để cung cấp nông sản đảm bảo chất lượng, an toàn và bền vững thông qua hệ thống trung tâm logistics nông sản.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển các khu thương mại tự do gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu biên giới và các khu vực sản xuất hàng hóa trọng điểm.

- Tập trung hoàn thiện các cơ sở hạ tầng và môi trường kinh doanh tạo thuận lợi cho logistics phục vụ thương mại điện tử, bao gồm thương mại điện tử xuyên biên giới. Hình thành các trung tâm đầu mối phân loại, chia chọn hàng thương mại điện tử, xử lý đơn hàng trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo giải quyết nhanh, khối lượng lớn hàng hóa một cách thông suốt, an toàn.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp các khu logistics (logistics park), trung tâm phân phối, kho thông minh, kho chuyên dụng phục vụ các mặt hàng nông sản, hóa chất, hàng công nghiệp, chế biến, chế tạo và thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình logistics đô thị phù hợp tại các thành phố lớn, đáp ứng nhu cầu lưu chuyển hàng hóa tối ưu, tiết kiệm, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng kế hoạch, bố trí quỹ đất hợp lý và huy động mọi nguồn vốn hợp pháp nhằm tập trung đẩy nhanh đầu tư phát triển hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, hạ tầng cửa khẩu biên giới, hạ tầng số phục vụ hoạt động logistics kết nối liên thông các cảng biển với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế. Chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn, cảng hàng không trung chuyển hàng hóa quốc tế, hệ thống đường sắt liên vận quốc gia, quốc tế.

- Phát triển đội tàu biển quốc gia vững mạnh, tập trung hình thành đội tàu biển container đáp ứng nhu cầu chuyên chở hàng hóa đến các thị trường lớn trên thế giới, đặc biệt là thị trường nội Á.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp đội tàu bay chuyên chở hàng hóa.

- Thúc đẩy phát triển cảng trung chuyển quốc tế tại Việt Nam.

3. Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển dịch vụ logistics

a) Trong giai đoạn từ nay đến năm 2035

- Tập trung hình thành, phát triển các vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics tại vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ, miền Trung trở thành trung tâm dịch vụ logistics ngang tầm quốc tế, trong đó Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng là những cực tăng trưởng tương ứng của ba vùng động lực này.

- Đẩy mạnh kết nối hạ tầng giao thông, dịch vụ vận tải đa phương thức giữa các vùng, miền, với các nước có chung biên giới và các nước trong khu vực, quốc tế như: Trung Quốc - Việt Nam - Đông Nam Á, Ấn Độ - Việt Nam - Đông Nam Á, kết nối với hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore.

- Ưu tiên phát triển dịch vụ logistics, trung tâm logistics gắn với các hành lang kinh tế trọng điểm theo trục Bắc - Nam phía Đông, hành lang kinh tế bao gồm: hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang Lạng Sơn - Bắc Ninh - Hà Nội; hành lang Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng nối với Lào, Thái Lan, Myanmar; hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Tây Ninh; hành lang Cần Thơ - Vĩnh Long - An Giang - Đồng Tháp và hành lang Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng.

b) Trong giai đoạn sau năm 2035

- Phát triển vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics đồng bằng sông Hồng, bao gồm: Thành phố Hải Phòng, thành phố Hà Nội, các địa phương dọc theo trục quốc lộ 1, quốc lộ 5, quốc lộ 18 qua các tỉnh Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình và Quảng Ninh.

- Phát triển vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics Đông Nam Bộ, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương dọc theo trục quốc lộ 1, quốc lộ 13, quốc lộ 22, quốc lộ 51 qua các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai.

- Từng bước đưa vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên và các khu vực Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), khu vực Nam Trung Bộ (Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng) trở thành các trung tâm dịch vụ logistics mạnh, kết nối với khu vực và quốc tế.

- Phát triển vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics miền Trung, bao gồm khu vực ven biển thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế, Quảng Trị, Quảng Ngãi.

- Phát triển vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm: thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Đồng Tháp gắn với khu vực kết nối các tuyến đường cao tốc và đường thủy nội địa.

4. Xây dựng nguồn hàng, phát triển thị trường logistics

- Tạo đột phá trong chính sách thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh nói chung. Chú trọng tạo cơ chế đặc thù để kêu gọi các công ty sản xuất toàn cầu lớn đầu tư phát triển các nhà máy sản xuất tại Việt Nam.

- Thu hút các tập đoàn lớn, đa quốc gia tham gia đầu tư các dự án phát triển dịch vụ logistics, ưu tiên những dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và có khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách phát triển phi thuế quan và khu thương mại tự do. Từ đó xây dựng các khu phi thuế quan và khu thương mại tự do gắn với cảng trung chuyển, cảng hàng không và hành lang kinh tế, làm nền tảng quan trọng để thu hút nguồn hàng trung chuyển.

- Tận dụng vị thế trung tâm của hai hành lang kinh tế Trung Quốc - Việt Nam - Đông Nam Á và Ấn Độ - Việt Nam - Đông Nam Á. Kêu gọi các tập đoàn phân phối hàng hóa toàn cầu chọn Việt Nam xây dựng các trung tâm phân phối cho khu vực.

- Tham gia các diễn đàn đối thoại chính sách, hợp tác song phương, đa phương về hợp tác phát triển dịch vụ logistics để mở rộng thị trường, tạo cơ hội kết nối, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ logistics.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối giao thương, tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và chủ động đăng cai tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực logistics, thu hút các chủ hàng, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử nhằm phát triển, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Tiến tới xây dựng Việt Nam trở thành trung tâm kết nối, giao thương về dịch vụ logistics. Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả với ngành du lịch, khách sạn, tổ chức sự kiện quốc tế, thu hút các mạng lưới, Hiệp hội, tổ chức logistics, thương mại quốc tế về Việt Nam tổ chức hội nghị, diễn đàn.

- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực dịch vụ logistics chuyên biệt phục vụ hàng nông sản, hàng công nghiệp, hàng chế biến, chế tạo; các dịch vụ logistics cho hàng hóa đặc biệt, siêu trường, siêu trọng và các dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu, thương mại điện tử xuyên biên giới. Đồng thời, thúc đẩy phát triển các dịch vụ trung chuyển, quá cảnh hàng hóa qua biên giới.

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và chất lượng dịch vụ logistics

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển các loại hình doanh nghiệp dịch vụ logistics có khả năng cạnh tranh quốc tế, đa dạng hóa các dịch vụ logistics, nâng cao khả năng đáp ứng đơn hàng thực hiện hợp đồng về thời gian, quy mô, chất lượng và giá cả, cung cấp dịch vụ logistics tích hợp trọn gói 4PL, 5PL. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics thiết lập hệ thống đại lý, từng bước chuyển sang thiết lập văn phòng đại diện và chi nhánh ở nước ngoài.

- Tăng cường quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng nhằm phát triển các dịch vụ logistics giá trị gia tăng.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng, mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ logistics, tiến hành cung ứng các dịch vụ logistics tích hợp, dịch vụ logistics có giá trị gia tăng cao.

- Nâng cao năng lực đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động logistics.

- Xây dựng, củng cố và phát triển các quan hệ hợp tác phát triển dịch vụ logistics ở các cấp độ (quốc gia, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp) thông qua thực thi hiệu quả cam kết trong các hiệp định thương mại tự do.

- Tăng cường kết nối, hợp tác và liên kết các hoạt động logistics giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, giữa các vùng, khu vực và quốc tế, tiến tới đầu tư ra nước ngoài và xuất khẩu dịch vụ logistics.

- Tăng cường cung cấp thông tin về các quy định, chính sách, yêu cầu, nhu cầu và cơ hội thị trường logistics trong và ngoài nước cho doanh nghiệp.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp dịch vụ logistics lớn của nước ngoài để tiếp thu, xây dựng và phát triển hệ sinh thái các nền tảng số, ứng dụng, chuyển giao, làm chủ các công nghệ mới, công nghệ cao trong lĩnh vực logistics. Hình thành một số trung tâm nghiên cứu mạnh về logistics; phát triển các giải pháp công nghệ nhằm tối ưu hóa lộ trình di chuyển của hàng hóa, tự động hóa quy trình vận chuyển và lưu kho, rút ngắn thời gian và giảm bớt chi phí cho các thủ tục hành chính.

- Hình thành và phát triển thị trường công nghệ dịch vụ logistics, phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa hệ thống hải quan, minh bạch hóa các thủ tục hải quan trên cơ sở nền tảng công nghệ số nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ logistics.

- Thúc đẩy phát triển các dịch vụ logistics trong kế hoạch tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, hải quan,... gắn với việc thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển nền sản xuất và hệ thống lưu thông phân phối trong nước và quốc tế xanh, sạch, bền vững.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp dịch vụ logistics áp dụng và đạt các chứng chỉ về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo trung hòa các-bon thông qua việc giảm phát thải hoặc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

- Chú trọng phát triển logistics nội bộ, logistics ngược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất với thương mại, xuất nhập khẩu, lưu thông phân phối trong nước và quốc tế.

- Định hướng thay đổi hành vi trong thương mại quốc tế, gắn kết giữa doanh nghiệp chủ hàng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics.

7. Phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao

- Ban hành bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp và khung trình độ quốc gia đào tạo nghề về logistics gắn với nhu cầu của doanh nghiệp logistics, cơ quan quản lý nhà nước.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao ở các trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh triển khai các đề án hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao và phong cách cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp.

- Kết nối các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp logistics Việt Nam với các tổ chức đào tạo nước ngoài, thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo các cấp trong lĩnh vực logistics.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ mới trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và hoạt động dịch vụ logistics.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, kiến thức về logistics cho các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội, doanh nghiệp.

8. Nâng cao vai trò của các hiệp hội và các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ logistics

- Nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành hàng, chủ hàng, đặc biệt là hiệp hội logistics quốc gia và địa phương trong lĩnh vực dịch vụ logistics, thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng hiện đại, phát triển đa dạng các dịch vụ logistics giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế.

- Phát huy vai trò hiệp hội logistics quốc gia và địa phương là cầu nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics.

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ logistics, tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, tạo tính lan tỏa, cùng liên kết, hợp tác và phát triển.

- Thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tiên phong có năng lực cạnh tranh cao, mạnh dạn đổi mới sáng tạo, tiến ra thị trường nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp khác trong ngành cùng phát triển.

- Tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong ngành có khả năng sáp nhập để hình thành các doanh nghiệp dịch vụ logistics lớn mạnh, đa dạng và chuyên nghiệp.

- Tăng cường cơ chế đối thoại chính sách giữa Chính phủ, các bộ ngành, địa phương với hiệp hội, doanh nghiệp thông qua Diễn đàn Logistics Việt Nam tổ chức hàng năm và các cơ chế khác.

9. Các nhiệm vụ khác

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dịch vụ logistics, nâng cao nhận thức trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội về các dịch vụ logistics xanh và phát triển bền vững.

- Nâng cao chất lượng thông tin, năng lực nghiên cứu, dự báo xu hướng thị trường logistics trong nước và quốc tế của các cơ quan quản lý thông qua Báo cáo Logistics Việt Nam xuất bản hằng năm và các hình thức cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức khác.

- Tuyên truyền, vận động và triển khai các hoạt động logistics thân thiện với môi trường nhằm mục tiêu dần hình thành ý thức bảo vệ môi trường, giảm phát thải, trung hòa phát thải.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường dịch vụ logistics trong nước và quốc tế, bao gồm bản đồ số về hạ tầng logistics.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam và hệ sinh thái dịch vụ logistics quốc gia (tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn).

- Triển khai thống kê các chỉ tiêu, chỉ số về dịch vụ logistics.

- Tổ chức Ngày Logistics Việt Nam và Tuần lễ Logistics Việt Nam.

V. CÁC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2025 - 2035

1. Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược và các nhiệm vụ liên quan được giao tại các Nghị quyết, Chiến lược, Chương trình hành động khác của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội chủ trì xem xét việc xây dựng, triển khai các đề án, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược được phân công tại Phụ lục ban hành kèm theo Chiến lược này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khả thi và đúng quy định.

2. Trường hợp phát sinh các đề án, dự án được Quốc hội, Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ được bổ sung vào Danh mục các đề án, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược tại Phụ lục ban hành kèm theo Chiến lược này, đồng thời với trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Kinh phí để thực hiện Chiến lược được đảm bảo từ các nguồn vốn: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); vốn doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, vốn ODA, vốn tài trợ, viện trợ khác và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Ngân sách nhà nước bố trí cho các nhiệm vụ, đề án tại Chiến lược sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các pháp luật có liên quan khác.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí triển khai thực hiện Chiến lược, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược này theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội trong các Chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược.

b) Căn cứ các mục tiêu, định hướng, giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược và các đề án, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược được phê duyệt tại Quyết định này, Bộ Công Thương hướng dẫn các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các hiệp hội liên quan xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các hiệp hội liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và văn bản pháp luật có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu, tổng hợp về cơ chế, chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược.

3. Các bộ, ngành liên quan

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược này, trong đó xác định rõ các đề án, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành.

b) Tổ chức xây dựng và thực hiện các đề án, nhiệm vụ được phân công tại Chiến lược này, bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Căn cứ thời hạn quy định và tiến độ xây dựng đề án, nhiệm vụ, các bộ, ngành chủ trì thực hiện chủ động đăng ký các đề án vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành mình để phê duyệt và triển khai kịp thời, bảo đảm hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tế.

c) Lồng ghép các dự án phát triển của ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án, nhiệm vụ thuộc Chiến lược này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công Thương, căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược này của địa phương; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của địa phương xây dựng và phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện quy hoạch, đề án, chương trình phát triển dịch vụ logistics của địa phương trên cơ sở các đề án, nhiệm vụ được nêu tại Chiến lược này.

b) Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các đề án, nhiệm vụ được phân công tại Chiến lược này, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

c) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các đề án, nhiệm vụ của Chiến lược này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

5. Các hiệp hội, tổ chức liên quan

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công Thương, căn cứ vào điều kiện thực tế, các hiệp hội, tổ chức liên quan ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược này.

6. Trách nhiệm báo cáo định kỳ

Các bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội, tổ chức liên quan định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chiến lược về Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Bùi Thanh Sơn

Phụ lục

CÁC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM THỜI KỲ 2025 - 2035, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

(Kèm theo Quyết định số 2229 /QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I.	**Hoàn thiện thể chế pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật đối với dịch vụ logistics**				
1.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Nghị định của Chính phủ	2025 - 2027
2.	Xây dựng và ban hành quy định về các tiêu chí phân loại, phân hạng trung tâm logistics	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và hiệp hội liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2026
3.	Xây dựng và thúc đẩy mô hình hải quan số, hải quan thông minh	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2025 - 2030
4.	Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế trong các hoạt động logistics	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	2025 - 2030
5.	Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics tại địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố	2025 - 2035

II.	**Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, hình thành và phát triển kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại**				
1.	Kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống trung tâm logistics của Việt Nam	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, các địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2027
2.	Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng logistics phục vụ thương mại điện tử trong nước và xuất khẩu trực tuyến	Bộ Công Thương	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2027
3.	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cảng biển, cảng hàng không trung chuyển hàng hóa quốc tế	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	2025 - 2035
4.	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy và tạo thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển đội tàu biển vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là tàu container	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2035
5.	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện để các hãng hàng không hình thành và phát triển đội tàu bay chuyên vận chuyển hàng hóa	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2035
III.	**Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển dịch vụ logistics**				
1.	Phát triển thành phố Hà Nội trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2030
2.	Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2030

3.	Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2030
4.	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2030
5.	Phát triển thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2035
6.	Phát triển thành phố Huế trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2035
7.	Xây dựng và triển khai mô hình logistics đô thị phù hợp tại các thành phố lớn, đáp ứng nhu cầu lưu chuyển hàng hóa tối ưu, tiết kiệm, thân thiện với môi trường	Ủy ban nhân dân các địa phương có khả năng triển khai	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2025 - 2035
8.	Xây dựng và phát triển khu thương mại tự do gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu biên giới và các khu vực sản xuất hàng hóa trọng điểm	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Văn bản theo thẩm quyền	2025 - 2030
IV.	**Xây dựng nguồn hàng, phát triển thị trường logistics**				
1.	Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics gắn với kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2030
2.	Kế hoạch phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2030

3.	Phát triển logistics nội bộ, logistics ngược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất với thương mại, xuất nhập khẩu, lưu thông phân phối trong nước và quốc tế	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam	Các hiệp hội logistics, các hiệp hội ngành hàng	Báo cáo của Hiệp hội	2025 - 2035
4.	Kế hoạch phát triển các dịch vụ trung chuyển, quá cảnh hàng hóa qua biên giới	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2025 - 2035
5.	Xây dựng cơ chế, chính sách liên thông các cảng trong cùng một khu vực để thúc đẩy hàng trung chuyển	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	2025 - 2035
V.	**Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và chất lượng dịch vụ logistics**				
1.	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực logistics, thu hút các chủ hàng nhằm phát triển, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế	Bộ Công Thương	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam và hiệp hội liên quan	Các hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm	2025 - 2035
2.	Tổ chức và tham gia các diễn đàn đối thoại chính sách, hợp tác song phương, đa phương về phát triển dịch vụ logistics để mở rộng thị trường, tạo cơ hội kết nối, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ logistics	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế	2025 - 2035
3.	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp dịch vụ logistics	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan và Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2030
VI.	**Đẩy mạnh nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics**				
1.	Xây dựng Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, các hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2030

2.	Xây dựng Chương trình chuyển đổi xanh trong logistics	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, các địa phương và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2030
3.	Phát triển thị trường công nghệ dịch vụ logistics, hình thành mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	2025 - 2035
VII.	**Phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao**				
1.	Đẩy mạnh đào tạo logistics chất lượng cao ở trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ logistics	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công Thương, Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam và hiệp hội liên quan	Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2025 - 2035
2.	Ban hành các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với các nghề thuộc lĩnh vực logistics	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công Thương, Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam và hiệp hội liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2025 - 2027
3.	Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu về logistics	Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo và hiệp hội liên quan	Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2025 - 2035
4.	Kết nối các tổ chức đào tạo, doanh nghiệp logistics Việt Nam với các tổ chức đào tạo nước ngoài, thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo các cấp trong lĩnh vực logistics	Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và hiệp hội liên quan	Các hoạt động, sự kiện kết nối	2025 - 2035

5.	Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, kiến thức liên quan tới hỗ trợ thúc đẩy hoạt động logistics cho các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội, doanh nghiệp	Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam	Bộ Công Thương, các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Các khóa đào tạo, tập huấn	2025 - 2035
VIII.	**Nâng cao vai trò của các hiệp hội và các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ logistics**				
1.	Tổ chức Diễn đàn Logistics Việt Nam và các cơ chế đối thoại chính sách giữa Chính phủ, các bộ ngành, địa phương với hiệp hội, doanh nghiệp khác	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Diễn đàn Logistics Việt Nam	2025 - 2035
2.	Xây dựng bộ tiêu chí và thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh logistics cấp quốc gia và năng lực cạnh tranh logistics các địa phương	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2027
3.	Đề án hình thành các doanh nghiệp logistics tiên phong	Bộ Công Thương	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam, các bộ, ngành và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương	2025 - 2030
IX.	**Các nhiệm vụ khác**				
1.	Xây dựng Báo cáo Logistics Việt Nam	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Báo cáo Logistics Việt Nam	2025 - 2035
2.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về logistics, bao gồm bản đồ số về hạ tầng logistics	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan	Cơ sở dữ liệu quốc gia về logistics	2025 - 2035
3.	Tổ chức Triển lãm Quốc tế Logistics Việt Nam	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam	Bộ Công Thương	Triển lãm tổ chức gắn liền với các hoạt động quảng bá, kết nối về logistics	2025 - 2035